|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN** **TỔ: GDKT & PL****Số: 1-NH23-24/KH-TGDCD**  |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ & PHÁP LUẬT**

**(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)**

Năm học 20224 – 2025

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 41, Số học sinh: 1855**, **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 0**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 04; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 02; Trên đại học:2

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 04; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy chiếu,Phòng nghe nhìn | 2 | Thực hiện các tiết thao giảng |  |
| 2 | TV kết nối mạng, internet | 1tv/phòng học | Hỗ trợ tiết dạy trên lớp |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Thư viện | 1 | Phòng đọc cho học sinh và giáo viên |  |
| 2 | Phòng học chức năng | 38 | Trang bị TV hỗ trợ cho giảng dạy | Theo bố trí của Trường |
| 3 | Phòng nghe nhìn | 1 | Dạy các tiết thao giảng ,họp chuyên môn |  |
| 2 | Hội trường | 1 | Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, hội họp,thao giảng |  |
|  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình** *(kèm theo phục lục từng khối I, II, III)*

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

**-  Khối 10**

**. Phân phối chương trình**

**Phần 1: SÁCH GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**HỌC KỲ 1 ( 18 tuần x 2 tiết/1 tuần ), HỌC KỲ 2 ( 17 tuần x 2 tiết/1 tuần )**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết | Bài dạy/chủ đề |
| **PHẦN 1:** **GIÁO DỤC KINH TẾ** |
| Tiết 1 2 | Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế |
| Tiết 3 4 5 | Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế  |
| Tiết 6 7 | Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường  |
| Tiết 8 9 10 | Bài 4: Cơ chế thị trường |
| Tiết 11 12 | Bài 5: Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường  |
| Tiết 13 14 15 | Bài 6: Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách |
| Tiết 16  | **Tiết ôn tập giữa kỳ 1** |
| Tiết 17 | **Kiểm tra giữa kỳ 1** |
| Tiết 18 19 20 | Bài 7: Thuế và thực hiện pháp luật về thuế |
| Tiết 21 22 23 24 | Bài 8: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh |
| Tiết 25 26 27 | Bài 9: Tín dụng và vai trò của tín dụng |
| Tiết 28 29 30 | Bài 10: Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng |
| Tiết 31 32 33  | Bài 11: Lập kế hoạch tài chính cá nhân ( giảm 1 tiết so với NXB đã đề xuất ) |
| Tiết 34 | **Tiết ôn tập cuối kỳ 1** |
| Tiết 35 | **Kiểm tra cuối kỳ 1** |
| **PHẦN 2: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - HK2** |
| Tiết 36 37 | Bài 12: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị CHXHCNVN |
| Tiết 38 39 | Bài 13: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước CHXHCNVN |
| Tiết 40 41 42 43 44 45 | Bài 14 : Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước CHXHCNVN |
| Tiết 46 47 | Bài 15 : Tòa án nhân dân và Viện Kiểm xát nhân dân |
| Tiết 48 49 | Bài 16 : Chính quyền địa phương |
| Tiết 50 | **Tiết ôn tập giữa kỳ 2** |
| Tiết 51 | **Kiểm tra giữa kỳ 2** |
| Tiết 52 53 | Bài 17 : Pháp luật và đời sống  |
| Tiết 54 55 56 | Bài 18 : Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam |
| Tiết 57 58 | Bài 19 : Thực hiện pháp luật |
| Tiết 59 60 | Bài 20 : Khái niệm đặc điểm và vị trí của Hiến pháp Việt Nam |
| Tiết 61 62 | Bài 21 : Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013 về chính trị |
| Tiết 63 64 | Bài 22 :  Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013 về quyền con người, quyền NV CD |
| Tiết 65 66 | Bài 23 : Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013 về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường |
| Tiết 67 68 | Bài 24 : Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013 về bộ máy nhà nước |
| Tiết 69 | **Tiết ôn tập cuối kỳ 2** |
| Tiết 70 | **Kiểm tra cuối kỳ 2** |

\*\* KHỐI 10

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Nền kinh tế và các chủ thể củanền kinh tế | – Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.– Nhận biếtđược vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.– Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trongnền kinh tế.– Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.– Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. |
| Thị trường và cơ chế thị trường  | – Nêu được khái niệm thị trường, cơ chế thị trường.– Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường.– Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.– Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.– Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.– Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. |
| Ngân sách nhà nước và thuế  | – Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.– Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.– Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế.– Gọi tên được một số loại thuế phổ biến.– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thựchiện pháp luật ngân sách và pháp luật thuế.– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu,chi ngân sách và thuế. |
| Sản xuất kinh doanh và các môhình sản xuất kinh doanh | – Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.– Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.– Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối vớibản thân. |
| Tín dụng và cách sử dụng cácdịch vụ tín dụng | – Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.– Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng.– Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.– Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm. |
| Lập kế hoạch tài chính cá nhân  | – Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân vàtầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.– Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.– Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân.– Kiểm soát được tài chính cá nhân. |
| Hệ thống chính trị nước Cộnghoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | – Nêu được:+ Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hộichủ nghĩa Việt Nam.+ Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủnghĩa Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máyNhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ,Hội đồng nhân dân,Uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.– Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ởnước ta. |
| – Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật. |  |
| Pháp luật nước Cộng hoà xã hộichủ nghĩa Việt Nam | – Nêu được:+ Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.+ Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.+ Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.– Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phêphán các hành vi vi phạm pháp luật. |
| Hiến pháp nước Cộng hoà xãhội chủ nghĩa Việt Nam | – Nêu được:+ Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.+ Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền conngười, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bộ máy nhà nước.– Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.– Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam |

KHỐI 11 PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

**Phần 1: SÁCH GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**\*\*\*Kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện chương trình khối lớp 11 - Năm học 2024 – 2025**

| **Stt tiết** | **Nội dung** |  **Tên Bài**  | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-3 | Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường |  Cạnh tranh trong kinh tế thị trường | 3 | - Nêu được khái niệm cạnh tranh.- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh- Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.- Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. |
| 4-6 |  Cung, cầu trong kinh tế thị trường | 3 | - Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.- Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.- Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền KT- Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động SX kinh doanh cụ thể. |
| 7-12 | Thị trường lao động, việc làm | Thị trường lao động, việc làm | 6 | - Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trườngviệc làm. |
| 13-16 | Thất nghiệp, lạm phát,  | Thất nghiệp | 4 | - Nêu được khái niệm thất nghiệp.- Liệt kê được các loại hình thất nghiệp.- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.- Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. |
| 17-20 |  Lạm phát  | 4 | – Nêu được khái niệm: lạm phát- Liệt kê được các loại hình lạm phát- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát- Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. |
| 21 | Ôn tập giữa kì 1 | 1 |  |
| 22 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1 |  |
| 23-26 | Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh |  Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh | 4 | – Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.– Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.– Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.– Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.– Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. |
| 27-30 | Đạo đức kinh doanh | Đạo đức kinh doanh | 4 | – Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh.– Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.– Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.– Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.– Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. |
| 31-34 | Văn hoá tiêu dung |  Văn hóa tiêu dùng  | 4 | – Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.– Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.– Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.– Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.– Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá. |
| 35 | **Ôn tập cuối kì 1** | **1** |  |
| 36 | **Kiểm tra cuối kì 1** | **1** |  |
| 37-39 | Quyền bình đẳng của công dân |  Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật  | 3 | * Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí).
* Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.
* Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.
* – Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.
 |
| 40-42 | Những quy định của PL về quy định của pháp luật về bình đẳng giới. | 3 | * Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực; Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội.
* Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giới trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.
* Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới.
 |
| 43-44 |  Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. | 2 | * Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
* Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội
* Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.
* Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo
 |
| 45-46 | Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân |  Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | 2 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân.– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân. |
| 47-48 | Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử | 2 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền về bầu cử và ứng cử của công dân.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền bầu cử và ứng cử của công dân.– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền bầu cử và ứng cử của công dân. |
| 49-51 |  |  Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo | 3 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền về khiếu nại, tố cáo của công dân.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền khiếu nại, tố cáo của công dân. |
| 52 | **Ôn tập giữa kì 2** | 1 |  |
| 53 | **Kiểm tra giữa kì 2** | 1 |  |
| 55-56 |  |  Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc | 2 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc của công dân.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc của công dân.– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc của công dân. |
| 57-60 | Một số quyền tự do cơ bản của công dân | Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm | 4 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về: + Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.+ Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm. – Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân.– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân.– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân trong một số tình huống đơn giản.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. |
| 61-62 | Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở  | 2 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyề bất khả xâm phạm về chỗ ở.– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân– Phân tích, đánh giá được hành vi vi quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong một số tình huống đơn giản.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. |
| 63-64 |  Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. | 2 | – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong một số tình huống đơn giản.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. |
| 65-66 |  | Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin | 2 | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. – Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân.– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân.– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân trong một số tình huống đơn giản.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. |
| 67-68 |  Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo | 2 | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân.– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân.– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân trong một số tình huống đơn giản.– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. |
| 69 | **Ôn tập cuối kì 2** | 1 |  |
| 70 | **Kiểm tra cuối kì 2** | 1 |  |

**\* KHỐI LỚP 12:**

 **HỌC KÌ I: 18 tuần, 36 tiết**

| **STT** | **CHỦ ĐỀ** | **TÊN BÀI** | **SỐ TIẾT** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **CĐ 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế** | Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế | 5(1,2,3,4,5) | - Nêu được:+ Tăng trưởng kinh tế+ Phát triển kinh tế+ Các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.Thông hiểu: - Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.- Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.- Trình bày được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế;- Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.Vận dụng cao: - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. |
| **2** | **CĐ 2: Hội nhập kinh tế quốc tế** | Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế | 5(6,7,8,9,10) | - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.- Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.- Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. |
| **3** | **CĐ 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội** | Bài 3: Bảo hiểm | 3(11,12,13) | Nêu được:- Khái niệm bảo hiểm.- Khái niệm an sinh xã hội.- Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.- Vai trò của bảo hiểm, an sinh xã hội.- Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm và an sinh xã hội.- Nêu được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.- Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm và an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp. |
| Bài 4: An sinh xã hội | 3(14,15,16) |
| **4** | **Ôn tập kiểm tra giữa kì I** | Tất cả các bài đã học | 1(17) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |
| **5** | **Kiểm tra giữa kì I** | Bài kiểm tra GKI | 1(18) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |
| **6** | **CĐ 4: Lập kế hoạch kinh doanh** | Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh | 5(19,20,21,22,23) | - Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.- Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.- Trình bày được các bước lập kế hoạch kinh doanh.- Lập được kế hoạch kinh doanh - Mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành. |
| **7** | **CĐ 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp** | Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | 5(24,25,26,27,28) | Nêu được:- Khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.- Các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.- Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.- Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.- Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. |
| **8** | **CĐ 6: Quản lý thu chi trong gia đình** | Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình | 6(29,30,31,32,33,34) | - Nêu được thế nào là quản lí thu, chi trong gia đình- Giải thích được sự cần thiết phải quản lí thu, chi trong gia đình.- Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.- Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình. |
| **9** | **Ôn tập kiểm tra cuối kì I** | Tất cả các bài đã học | 1(35) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |
| **10** | **Kiểm tra cuối kì I** | Bài kiểm tra CKI | 1(36) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |

**HỌC KÌ II: 17 tuần, 34 tiết**

| **STT** | **CHỦ ĐỀ** | **TÊN BÀI** | **SỐ TIẾT** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | **CĐ 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế** | Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế | 3(37,38,39) | Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về- Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh.- Quyền và nghĩa vụ của công dân về nộp thuế.- Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác**-** Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.**-** Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp. |
| Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác | 3(40,41,42) |
| **12** | **CĐ 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội** | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình | 3(43,44,45) | Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về:- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình. - Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập. - Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ. - Quyền và nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội.- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. |
| Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập | 2(46,47) |
| Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội | 3(48,49,50) |
| **13** | **Ôn tập kiểm tra giữa kì II** | Tất cả các bài đã học | 1(51) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |
| **14** | **Kiểm tra giữa kì II** | Bài kiểm tra GKII | 1(52) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |
| **15** | **CĐ 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội** | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên | 3(53,54,55) | Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội;- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. |
| **16** | **CĐ 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế** | Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế | 2(56,57) | Nêu được:- Khái niệm của pháp luật quốc tế- Vai trò của pháp luật quốc tế.- Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.- Trình bày được mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.- Nhận biết được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về:+ Dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia. + Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và hợp đồng thương mại quốc tế.- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản. |
| Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia | 5(58,59,60,61,62) |
| Bài 16: Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới và hợp đồng thương mại quốc tế | 6(63,64,65,66,67,68) |
| **17** | **Ôn tập kiểm tra cuối kì II** | Tất cả các bài | 1(69) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |
| **18** | **Kiểm tra cuối kì II** | Bài kiểm tra CKII | 1(70) | Tất cả các kiến thức, phẩm chất, năng lực đã được học. |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**- Khối 10, Số học sinh: 690**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 23/10/2024 - 4/11/2024 | Các nội dung cần đạt bài 1, 3, 4Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Trắc nghiệm  |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 11/12/2024 - 23/12/2024 | Các nội dung cần đạt bài 1, 3, 4,5,6Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Trắc nghiệm  |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 4/3/2025 - 18/3/2024(Dự kiến) | Các nội dung cần đạt bài 10,11,12Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Tự luận trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 22/4/2025 - 4/5/2025(Dự kiến) | Các nội dung cần đạt bài 10,11,12,13,14Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Tự luận trên giấy |

**- Khối 11-Số học sinh: 591**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 23/10/2024 - 4/11/2024 | Các nội dung cần đạt bài 1, 2,3Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Trắc nghiệm  |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 11/12/2024 - 23/12/2024 | Các nội dung cần đạt bài 1, 2,3,4,5,6Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Trắc nghiệm  |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút |  4/3/2025 - 18/3/2025( Dự kiến) | Các nội dung cần đạt bài 8, 9,10Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Tự luận trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 22/4/2025 - 4/5/2025(Dự kiến) | Các nội dung cần đạt bài 9,10,11,12,13Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Tự luận trên giấy |

**- Khối 12-Số học sinh: 582**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 23/10/2024 - 4/11/2024 | Các nội dung cần đạt bài 1, 2,3Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Trắc nghiệm  |
| Cuối Học kỳ 1 | 50 phút | 11/12/2024 - 23/12/2024 | Các nội dung cần đạt bài 1, 2,3,4,5Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Trắc nghiệm  |
| Giữa Học kỳ 2 | 50phút | 4/3/2025 - 18/3/2024(Dự kiến) | Các nội dung cần đạt bài 6,7Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Tự luận trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 50 phút | 22/4/2025 - 4/5/2025(Dự kiến) | Các nội dung cần đạt bài 6,7,8Học sinh nhận biết được 4 cấp độ cần phải đạt được trong nội dung bài học. | Tự luận trên giấy |

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**

**1. Khối lớp: 10; 11 ;12-**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề(1) | Yêu cầu cần đạt(2) | Số tiết(3) | Thời điểm(4) | Địa điểm(5) | Chủ trì(6) | Phối hợp(7) | Điều kiện thực hiện(8) |
| 12 | . Thực hiện trật tự an toàn giao thông  | -Nâng cao ý thức học sinh thực hiện khi tham gia giao thông-Tích hợp lồng ghép phòng chống tham nhũng | 4 tiết | 3/2025 | Sân trường.-Lớp học | BGH,Tổ GDCD,GVCN-GVBM | Đoàn thanh niên,CSGT |  |

**2. Chuyên đề cá nhân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên GV** | **Tên chuyên đề** | **Tháng báo cáo** |
| **1** | **Hồ Thị Hằng** | Kiểm tra toàn diện | Tháng 10Tháng 3 |
| **2** | **Hoàng Thị Liên** | **Kiểm tra chuyên đề** | Tháng 12 |
| **3** | **Võ Thị Anh Vi** | **Dự giờ bộ môn** | Tháng 3 |

**3. Nghiên cứu bài học K12 ( Theo chương trình mới )-Cả tổ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủ đề** | **Thời gian** |
| **1** | Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế | **Hk1** |
| **2** | Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội | **Hk1** |
| **3** | Chủ đề 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa,xà hội | **Hk2** |
| **4** | Chủ đề 9 : một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế | **Hk2** |

**IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn**

**1. Nâng cao chất lượng dạy học, sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn**

*\* Chỉ tiêu*

- 100% giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng định kỳ do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- 100% giáo viên tham gia hoạt động thảo luận các chuyên đề dạy học trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ.

- 100% giáo viên thực hiện chuyển hóa nội dung hoạt động bồi dưỡng thường xuyên hướng đến mục tiêu là hoạt động tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của chính mình và giải quyết thực tiễn nhiệm vụ được phân công.

*\* Giải pháp thực hiện*

- Tổ chuyên môn đã tiến hành họp tổ, xây dựng kế hoạch giảng dạy thành các chủ đề dạy học trên cơ sở điều chỉnh và cập nhật những nội dung mới so với năm học trước. TTCM đưa mẫu KHBD (Phụ lục 4 công văn 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT), yêu cầu GV soạn giáo án  theo mẫu mới nhằm đổi mới chuyên môn theo hướng tiếp cận chương trình GDPT 2018.

- Tổ chuyên môn trao đổi và thống nhất xây dựng các chuyên đề dạy học sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong kế hoạch từ đầu năm.

- Tất cả các giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cá nhân và lựa chọn các module gắn với hoạt động tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của chính mình và giải quyết thực tiễn nhiệm vụ được phân công.

- Tổ phân công nghiên cứu các chuyên đề theo hướng chương trình PT mới

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả công tác kiểm tra quy chế chuyên môn.

- Thực hiện Nghiên cứu bài học, dự giờ học tập, rút kinh nghiệm giữa giáo viên trong tổ và với đồng nghiệp.

- Tổ trưởng chuyên môn lập kế hoạch định kỳ kiểm tra hồ sơ, giáo án, kế hoạch giảng dạy của giáo viên.

-**Thực hiện dạy học chuyển đổi số trên trang Web K12 online theo công văn của Sở đến năm 2025-úp bài và clip giảng dạy..**

 **2. Kế hoạch cụ thể từng tháng.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Phụ trách** |
| Tháng 8+9/2024 | - Dự kiến phân công chuyên môn.- Họp tổ chuyên môn triển khai nhiệm vụ năm học, xây dựng kế hoạch năm học.- Nhận lớp giảng dạy, chủ nhiệm, thực hiện công tác chuẩn bị cho năm học mới. - Phân công các nhiệm vụ trong học kì 1 và năm học.+ Tham gia học & bồi dưỡng lớp CT do quận tổ chức+Tổ chức ôn thi HSGK12( GV phụ trách) | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 10/2024 | - Thao giảng, dự giờ trong tổ, hợp tổ, họp nhóm thống nhất nội dung giảng dạy trong tháng 10.-Thống nhất nội dung ôn tập và ra đề KTTT - Rà soạt lại tiến độ chương trình và lên kế hoạch dạy bù bộ môn.-Thống nhất trọng tâm bài dạy tháng 10.- Báo cáo chuyên đề.-Tổ chức ôn thi Olympic cho HS10,11 | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 11/2024 | -Kiểm tra HSSS toàn tổ.-Rà soạt lại tiến độ chương trình và lên kế hoạch soạn đề thi giữa kì 1- Thi đua dạy tốt, học tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.- Tham gia đầy đủ các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo VN.-Thống nhất trọng tâm bài dạy tháng 11. | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 12/2024 | - Vào điểm HS1 đúng quy định.- Soạn đề và đáp án đầy đủ nộp BGH đúng thời gian quy định.- Báo cáo chuyên đề.thao giảng cụm-Tham gia coi thi KT HKI nghiêm túc.- Sơ kết thi đua, sơ kết học kỳ 1. | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 01/2025 | - Thực hiện chương trình HK II.-Thống nhất nội dung, cấu trúc và ra đề KTTT lần 1-HKII.- Báo điểm lần I –HKII đúng quy định.-Rà soát tiến độ chương trình.- Kiểm tra HSSS.Thống nhất nội dung GD tháng 1 và tháng 2. | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 02/2025 | - Họp tổ, thống nhất nội dung giảng dạy tháng 2.- Báo cáo chuyên đề.-Ôn khái quát HSG12 –Thi HSG | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 3/2025 | - Thống nhất nội dung, cấu trúc và ra đề KTTT lần 2-HKII.- Rà soát tiến độ chương trình ,thống nhất trọng tâm HK2 | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 4/2025 | - Thống nhất nội dung trọng tâm, cấu trúc và ra đề KT HKII.-Rà soát lại tiến độ chương trình và tiếp tục dạy theo đúng PPCT- Báo cáo chuyên đề.-K10,11 thi Olympic | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 5/2025 | - Báo điểm đúng thời gian quy định.- Kiểm tra HSSS lần 2-HKII- Hoàn tất chương trình và tổng kết việc thực hiện các phong trào và hoạt động chuyên môn của tổ.- Hoàn thành điểm TBM HK II và TBM cả năm.- Tổng kết, bình bầu thi đua cuối năm. | TTCM + Cả tổ |
| Tháng 6/2025 | - Thực hiện kế hoạch hè. Ôn thi tốt nghiệp THPTQG khối 12. | TTCM + Cả tổ |

**3. Kế hoạch dự giờ**

**-** Mỗi giáo viên dự giờ tối thiểu 2 tiết/ 1 học kì

**4 Kiểm tra nội bộ:** theo kế hoạch của trường

 **5. Đăng kí thi đua của Tổ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT |  **HỌ VÀ TÊN** | **LĐTT** | **CSTĐ** **CƠ SỞ** | **CSTĐ** **THÀNH PHỐ** | **CSTĐ****TOÀN QUỐC** |
| 1 | Nguyễn Thị Bích Ngọc |  | X |  |  |
| 2 | Hồ Thị Hằng | X |  |  |  |
| 3 | Hoàng Thị Liên | X |  |  |  |
| 4 | Võ Thị Anh Vi | X |  |  |  |

**V. Các nội dung khác:**

**1. Triển khai văn bản 4363/GDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số**

- Tất cả giáo viên tham gia tập huấn theo kế hoạch tập huấn chuyên môn của Sở GDĐT trong việc xây dựng ma trận đặc tả, đề kiểm tra năm học 2024- 2025, và thực hiện ra 4 đề kỉểm tra mẫu gồm các đề giữa kỳ, đề kiểm tra cuối kỳ thuộc chương trình 3 khối 10,11,12 theo hướng tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi giải quyết tình huống, câu hỏi liên hệ gắn với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

- Tất cả giáo viên tích cực tham gia lớp tập huấn nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy trực tuyến do trường tổ chức, sử dụng các phần mềm dạy học để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh; sử dụng công cụ biên soạn câu hỏi trên mạng để xây dựng và sử dụng ngân hàng câu hỏi trực tuyến trong quá trình dạy học đạt hiệu quả cao.

**2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, Olympic 10,11,12 theo kế hoạch**

**3. Tham gia cuộc thi, hội thi:**

Theo phân công và kế hoạch của Nhà trường trong năm học.

**4. Câu lạc bộ học thuật (không có)**

**5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học:** không.

**6. Nội dung khác:** không.

 TỔ TRƯỞNG  *TP Hồ Chí Minh, ngày  05  tháng 09 năm 2024*

 **Nguyễn Thị Bích Ngọc DUYỆT PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |